

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/CTN/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu

Địa chỉ: Số 009, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 02133.876.297 Fax: 02133.876.926

E-mail: nuocsachlaichau@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 6200000230

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 04/2018/ATTP-CNĐK, Ngày Cấp: 17/5/2018. Nơi cấp: Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Lai Châu.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước uống tinh khiết Lawa

2. Thành phần: Một số thành phần chính, bao gồm:

Arsen < 0,01mg/l	Mangan < 0,4mg/l
Clor < 5mg/l	Nitrat < 50mg/l
Chì < 0,01mg/l	Chì < 3mg/l

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng bình 18,9L, đóng chai 500ml, đóng chai 330ml. Chất liệu bao bì: Nhựa.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Chi nhánh sản xuất nước tinh khiết Lawa, tổ 1, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

1. Mẫu nhãn bình 18,9L

NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT

Lawa®

Vị Ngon Của Sự Tinh Khiết

American technologies

CHI TIÊU CHẤT LƯỢNG

Arsen < 0,01 mg/l	Mangan < 0,4mg/l
Clor < 5 mg/l	Nitrat < 50mg/l
Chì < 0,01mg/l	Nitrit < 3mg/l

QCVCN 6-1-2010/BYT

18,9lit

Phường Đông Phong - TP.Lai Châu - tỉnh Lai Châu
ĐT: 02133.876.297 - 876.230 - fax: 02133.876.926

Hạn sử dụng in trên nắp bình
Best before date on the cover bottle

5 8 3 0 0 1 5

2. Mẫu nhãn chai 500ml.



3. Mẫu nhãn chai 330ml

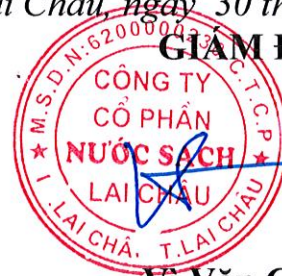


IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Lai Châu, ngày 30 tháng 09 năm 2019



Vì Văn Chung



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 22939/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước uống tinh khiết Lawa
2. Mã số mẫu: 09195695/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu nước 15 lít đựng trong bình nhựa có tem nhãn - Số lượng: 1
NSX - HSD: Không có; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 17/09/2019
8. Thời gian thử nghiệm: 17/09/2019 - 24/09/2019
9. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH LAI CHÂU
Địa chỉ: Số 009, Đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 22, Phường Đông
Phong, Thành phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	vi khuẩn/250mL	ISO 16266:2006	7,9 x 10 ¹
9.2*	Coliform tổng số	vi khuẩn/250mL	TCVN 6187-1:2009	KPH (LOD: 1 vi khuẩn/250mL)
9.3*	<i>E. coli</i>	vi khuẩn/250mL	TCVN 6187-1:2009	KPH (LOD: 1 vi khuẩn/250mL)
9.4*	<i>Streptococci faecal</i>	vi khuẩn/250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (LOD: 1 vi khuẩn/250mL)
9.5*	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	vi khuẩn/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (LOD: 1 vi khuẩn/50mL)
9.6	Hàm lượng Bari	mg/L	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	KPH (LOD: 0,006 mg/L)
9.7*	Hàm lượng Bor	mg/L	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	KPH (LOD: 0,006 mg/L)
9.8*	Hàm lượng Fluorid	mg/L	NIFC.03.M.22	KPH (LOD: 0,08 mg/L)
9.9*	Hàm lượng Nitrat	mg/L	NIFC.03.M.22	< LOQ (LOQ: 1 mg/L)
9.10*	Hàm lượng Nitrit	mg/L	NIFC.03.M.22	KPH (LOD: 0,15 mg/L)
9.11	Hàm lượng Clorat	mg/L	NIFC.03.M.27	KPH (LOD: 0,1 mg/L)
9.12	Hàm lượng Clorit	mg/L	NIFC.03.M.27	KPH (LOD: 0,1 mg/L)
9.13	Hàm lượng Chlor	mg/L	NIFC.03.M.33	KPH (LOD: 0,1 mg/L)
9.14*	Hàm lượng Arsenic	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003 mg/L)
9.15*	Hàm lượng Cadmi	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,00015 mg/L)
9.16*	Hàm lượng Chì	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003 mg/L)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.17*	Hàm lượng Chromi	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003 mg/L)
9.18*	Hàm lượng Đồng	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,001
9.19*	Hàm lượng Mangan	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003 mg/L)
9.20*	Hàm lượng Molybden	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,00015 mg/L)
9.21*	Hàm lượng Nickel	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003 mg/L)
9.22*	Hàm lượng Seleni	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003 mg/L)
9.23*	Hàm lượng Stibi	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003 mg/L)
9.24*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/L	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,00015 mg/L)
9.25	Hàm lượng Bromat	mg/L	TCVN 9243-2012	KPH (LOD: 0,002 mg/L)
9.26*	Hàm lượng Cyanid	mg/L	NIFC.04.M.068 (HPLC-FLD)	KPH (LOD: 0,02 mg/L)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

LOQ là giới hạn định lượng của phương pháp thử

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2019

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG
KẾ HOẠCH - HTQT
Nguyễn Văn Nhiên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định